

Bản án số: **44/2020/HC-PT**

Ngày: 26-11-2020

*V/v: khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trần Quốc Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 28/2020/TLPT-HC ngày 26/10/2020 về việc “*khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 11/2020/HC-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Công ty TNHH X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Tấn H - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Minh B – chức vụ: Kế toán trưởng công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đoàn Cửu V – Luật sư, Công ty Luật TNHH một thành viên K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc D – chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V – chức vụ: Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức A – chức vụ: Trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng. Có mặt.

4. Công ty TNHH Hữu hạn T; địa chỉ: tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28/8/2017 Chi cục Thuế huyện Đ (nay là thị xã Đ) lập biên bản kiểm tra thuế tại công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt là công ty X). Biên bản kiểm tra ghi nhận: Thuế giá trị gia tăng (GTGT) năm 2014, 2015, 2016 qua kiểm tra tăng thêm 535.253.643đ.

Ngày 07/9/2017 Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ ban hành Quyết định số 158/QĐ-CCT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Phạt tiền 109.150.729đ (trong đó phạt khai sai 107.050.729đ, phạt thủ tục thuế 2.100.000đ). Biện pháp khắc phục hậu quả: Truy thu thuế GTGT 535.253.643đ, số tiền chậm nộp thuế GTGT 73.544.351đ. (gọi tắt là Quyết định số 158)

Không đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngày 30/11/2017 công ty X khiếu nại đến Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ.

Ngày 05/01/2018 Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của công ty X, không công nhận

nội dung khiếu nại, giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, (gọi tắt là Quyết định số 03)

Ngày 09/01/2018 công ty X khiếu nại đến Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên.

Ngày 09/02/2018 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 551/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần hai của công ty X, không công nhận nội dung khiếu nại. (gọi tắt là Quyết định số 551)

Ngày 26/3/2018 công ty X nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Yêu cầu Tòa hủy Quyết định số 158, Quyết định số 03 và Quyết định số 551.

Ngày 17/10/2019 công ty X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định số 158, đối với số tiền truy thu thuế GTGT là 472.024.487đ, tiền phạt khai sai là 92.027.626đ và tiền phạt chậm nộp là 45.829.577đ, liên quan đến hợp đồng khai thác rừng trồng số 19/2015/HĐKT-BQL ngày 12/10/2015 và số 02/2016/HĐKT-BQL ngày 19/02/2016 giữa công ty X với Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 03 và Quyết định số 551.

Công ty X cho rằng ký hợp đồng khai thác rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ để thực hiện các công việc “Luồng phát rừng, chặt hạ, cắt khúc, bóc vỏ, gom vác, xếp đống, làm đường vận xuất và vận xuất đối với gỗ keo rừng trồng” là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 5 (đối tượng không chịu thuế) Luật Thuế giá trị gia tăng nên không phải chịu thuế GTGT. Do đó, công ty X không kê khai nộp thuế GTGT là đúng quy định pháp luật.

Đại diện Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã Đ và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên trình bày:

Dịch vụ thu hoạch gỗ keo rừng trồng của công ty X là dịch vụ thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp, vì căn cứ Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định “Trồng rừng và chăm sóc rừng”, “Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác”, “Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...)” thuộc mã ngành Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan, không phải là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 5, điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng, Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT thì dịch vụ khai thác rừng trồng của công ty X thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

Tổng Cục Lâm nghiệp có trả lời tại công thông tin điện tử của Chính phủ keo rừng trồng là sản phẩm lâm nghiệp, việc thu hoạch gỗ keo là dịch vụ thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp và Tổng Cục Thuế cũng có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ là thuộc trường hợp thu thuế GTGT 10%. Mặt khác, các cơ quan Thuế tại tỉnh B Định đều thu thuế GTGT 10% đối với trường hợp này.

Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định “Sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia có gỗ và sản phẩm từ gỗ” và Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không có hiệu lực hồi tố để áp dụng cho các hợp đồng của công ty X vào năm 2015, 2016.

Vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Yên, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên, Ban quản lý rừng phòng hộ Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn T trình bày:

Gỗ keo rừng trồng là sản phẩm nông nghiệp, công ty X khai thác gỗ keo rừng trồng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, không phải chịu thuế GTGT. Do đó, khi lập dự toán khai thác, hồ sơ thiết kế khai thác rừng, chi phí nhân công, hợp đồng khai thác giữa công ty X với Ban quản lý rừng phòng hộ đều không tính thuế GTGT.

Dịch vụ thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp cũng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, vì sản phẩm nông nghiệp bao gồm cả sản phẩm trồng trọt, gỗ rừng trồng, ngành nông nghiệp bao gồm cả ngành lâm nghiệp theo Điều 3 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty X trình bày:

Hợp đồng khai thác giữa công ty X với Ban quản lý rừng phòng hộ Đ đã không dự toán thuế GTGT đều được thẩm định bởi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Gỗ keo rừng trồng là sản phẩm trồng trọt mà sản phẩm trồng trọt thì không phải chịu thuế GTGT, do đó dịch vụ thu hoạch sản phẩm trồng trọt (keo rừng trồng) cũng không phải chịu thuế GTGT.

Ngành nông nghiệp bao gồm cả ngành lâm nghiệp theo Điều 3 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia được ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định “Sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia có gỗ và sản phẩm từ gỗ” nên gỗ keo rừng trồng là sản phẩm nông nghiệp.

Văn bản trả lời của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa xác định rõ dịch vụ thu hoạch gỗ keo rừng trồng phải chịu thuế GTGT, nên phải áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho người dân.

Do đó, công ty X khai thác gỗ treo rừng trồng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng nên không phải chịu thuế GTGT, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2020/HC-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Hủy một phần Quyết định số 158/QĐ-CCT ngày 07/9/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ (nay là thị xã Đ) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế (truy thu thuế giá trị gia tăng, phạt khai sai, phạt chậm nộp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn X liên quan đến hợp đồng khai thác rừng trồng số 19/2015/HDKT-BQL ngày 12/10/2015 và số 02/2016/HDKT-BQL ngày 19/02/2016 giữa công ty X với Ban quản lý rừng phòng hộ Đ).

Hủy Quyết định số 03/QĐ-CCT ngày 05/01/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ (nay là thị xã Đ) về việc giải quyết khiếu nại của công ty trách nhiệm hữu hạn X (lần đầu).

Hủy Quyết định số 551/QĐ-CT ngày 09/02/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên về việc giải quyết khiếu nại của công ty trách nhiệm hữu hạn X (lần hai).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn X đã rút đối với Quyết định số 158/QĐ-CCT ngày 07/9/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ (nay là thị xã Đ) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-7-2020, người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện Công ty TNHH X do ông Dương Minh B đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên do ông Nguyễn Ngọc Duy đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Ngọc Duy cho rằng Quyết định số 551/QĐ-CT ngày 09-02-2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên về việc giải quyết khiếu nại của công ty TNHH X (lần hai) là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH X, giữ nguyên quyết định nói trên của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên. Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc Duy còn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các quyết định của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện Đ. Yêu cầu này không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng nội dung kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về phần nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1.- Trên cơ sở hợp đồng khai thác rừng trồng số 19/2015/HĐKT-BQL ngày 12-10-2015 giữa công ty TNHH X với Ban quản lý rừng phòng hộ Đ. Do không tính thuế giá trị gia tăng nên ngày 07-9-2017 Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ ban hành Quyết định số 158/QĐ-CCT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty TNHH X. Không đồng ý với quyết định trên, công ty TNHH X khiếu nại. Ngày 05-01-2018, Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của công ty TNHH X (lần đầu) và không công nhận nội dung khiếu nại của công ty TNHH X. Công ty TNHH X tiếp tục khiếu nại. Ngày 09-02-2018, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 551/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của công ty TNHH X (lần hai). Không đồng ý các quyết định trên, Công ty TNHH X khởi kiện vụ án hành chính.

2.- Xét thấy, tại biên bản đối thoại ngày 23-8-2018, đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Đ trình bày: Rừng keo là do Ban quản lý giao nhiệm vụ trồng, chăm sóc. Đây là sản phẩm rừng trồng, là sản phẩm nông nghiệp. Do đó, khi tiến hành khai thác chúng tôi đã có văn bản xin ý kiến Sở Nông nghiệp, thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ khai thác thì chúng tôi xác định việc thuê nhân công chủ yếu là người đồng bào. Do đó, khi lập hồ sơ thiết kế khai thác thì thống nhất không khai thuế VAT. Sở Nông nghiệp và Sở Tài chính cũng đã phê duyệt hồ sơ này cũng đồng ý không có thuế VAT. Tại biên bản đối thoại ngày 12-10-2018, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên cho rằng cách trả lời khiếu nại của Chi cục Thuế huyện cho X là chưa phù hợp; dịch vụ thu hoạch lâm nghiệp cũng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm theo quy định tại Điều 3 Nghị định 57; hồ sơ thiết kế khai thác không tính đến thuế VAT... Đại diện Chi cục Kiểm lâm trình bày: Không có văn bản hướng dẫn về thuế trong khai thác rừng trồng. Trừ việc trồng rừng thì có Thông tư 23/2013 hướng dẫn cụ thể, còn việc khai thác sản phẩm rừng trồng thì không có thiết kế dự toán có thuế VAT... Theo ý kiến chúng tôi thì xác định sản phẩm rừng trồng là sản phẩm nông nghiệp là đúng. Đại diện trung tâm quy hoạch thiết kế Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày: Khi chúng tôi lập hồ sơ không có văn bản hướng dẫn về kết cấu hồ sơ thì không có tính thuế. Do đó, trong hồ sơ thiết kế khai thác thì không tính thuế VAT.

Tại biên bản trên cũng như tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12-10-2018, đại diện Cục thuế tỉnh Phú Yên trình bày: Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hỏi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xác định trường hợp của Công ty X có phải đóng thuế hay không.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã có các văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Ngày 20-9-2019, Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 1452/TCLN-PCTT về việc phúc đáp cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xác định “Gỗ rừng trồng là sản phẩm nông nghiệp và đề nghị tham vấn ý kiến của Bộ Tài chính”.

Ngày 19-6-2020, Bộ Tài chính có văn bản số 7419/BTC-TCT gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quý Bộ có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính kịp thời ban hành văn bản trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và hướng dẫn Cục Thuế, các đơn vị có liên quan thực hiện... nhưng đến nay chưa có văn bản trả lời.

3.- Như vậy, đại diện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên trong quá trình giải quyết vụ án còn đề nghị xin ý kiến của cấp trên, thể hiện tính không dứt khoát, nhưng lại giải quyết khiếu nại của người khác là không vững chắc. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã Đ chấp nhận bản án sơ thẩm hủy quyết định về việc xử phạt hành chính về thuế và quyết định giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH X (lần đầu) nên không có kháng cáo. Do đó, yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên là không có căn cứ nên bác kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

4.- Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

5.- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

1. - Bác kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X.

Hủy Quyết định số 551/QĐ-CT ngày 09-02-2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên về việc giải quyết khiếu nại của công ty TNHH X (lần hai).

2. – Về án phí: Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006555 ngày 20-7-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. – Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm